

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 56/2022/DS-PT

Ngày 18/3/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Liên

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp *“Hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Mỹ X, sinh năm 1973;

Trú tại: số 56/45/5, đường Trần Phú, phường C, quận N, TP. T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Mã Thu H, sinh năm: 1967; Trú tại: 56/45/5 Trần Phú, phường C, Q. N, TP. T (theo Văn bản ủy quyền số công chứng 238, quyển số 1, ngày 12/3/2021 của Văn phòng Công chứng 24H).

2. Bị đơn: Ông Lâm Huy V, sinh năm 1976;

Trú tại: số 218/20, T H Đ, phường A, quận N, TP. T.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1979; Trú tại: số 11, đường N C T, phường A, quận N, thành phố T (theo văn bản ủy quyền số công chứng 416, quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2022 của Văn phòng Công chứng Ngô Công Quốc Thái).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm Huy V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Đại diện Nguyên đơn là ông Mã Thu H trình bày: Bà Lâm Mỹ X vào ngày 13/4/2009 có cho Lâm Huy V mượn 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*), V hẹn sau một tuần sẽ trả lại. Tuy nhiên, sau đó phía bị đơn không thanh toán như đã hẹn.

Do bị thất lạc giấy nhận nợ ngày 13/4/2009 của Lâm Huy V, đến thời gian gần đây mới tìm được nên nguyên đơn mới có đơn khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Lâm Huy V phải trả nợ gốc 30.000.000đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi suất 3%/tháng từ ngày vay nợ cho đến nay.

* Bị đơn ông Lâm Huy V trình bày:

Bị đơn có mượn của bà X 30.000.000đồng và viết giấy nợ, nhưng sau đó vào khoảng tháng 5 năm 2009 đã thanh toán gốc và lãi xong cho bà X bằng tiền mặt và do tin tưởng nên không lập giấy tờ đã trả tiền. Ông V cho rằng bản thân hiện không còn nợ gì đối với bà X nữa.

Theo ông V, vào thời điểm năm 2018, vợ chồng ông Mã Thu H và bà Lâm Mỹ X có nợ lại ông và đã có Bản án phúc thẩm số 150/2018 ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, buộc vợ chồng bà X thanh toán nợ 338.000.000đồng, án đã có hiệu lực và đang trong giai đoạn yêu cầu thi hành án. Nếu trước đây ông còn nợ tiền bà X thì thời điểm xét xử Bản án 150/2018 phía bà X đã nêu ra để khấu trừ nợ chứ không phải đợi đến hiện nay để đi kiện.

Tòa án nhân dân quận N tiến hành hòa giải không thành nên đưa vụ án ra xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DSST ngày 16 tháng 6 năm 2021, tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Mỹ X về việc kiện buộc ông Lâm Huy V phải trả tiền theo giấy nợ ngày 13/4/2009.

Buộc ông Lâm Huy V phải thanh toán cho bà X tổng số nợ gốc và lãi tính chung là 62.820.000đồng (*sáu mươi hai triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng*). Thực hiện việc thanh toán bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/6/2021, ông Lâm Huy V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm gửi cho Tòa án nhân dân quận N nhận vào ngày 02/7/2021, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hủy bản án sơ thẩm do đã hết thời hiệu khởi kiện. Việc kháng cáo của ông V là quá hạn nên ông có văn bản giải trình lý do. Tòa án nhân dân thành phố T đã họp xét hồ sơ kháng cáo quá hạn và đã ban hành Quyết định Chấp nhận kháng cáo quá hạn số: 21/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của ông V đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DSST ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 30 triệu đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Còn phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, thống nhất nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, tổng cộng 62.820.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, bị đơn vay tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn phải trả lại số tiền đã vay nên xác định quan hệ pháp luật là *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, bị đơn cư trú ở địa bàn quận N nên Tòa án nhân dân quận N thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lâm Huy V có đơn kháng cáo nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm nhưng quá thời hạn quy định. Tòa án nhân dân thành phố T xét kháng cáo quá hạn và đã ban hành Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn nên vụ án được thụ lý giải quyết lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng, đối với khoản vay 30.000.000 đồng vào ngày 13/4/2009 thì bị đơn đã thanh toán xong sau thời hạn 01 tháng kể từ khi vay. Hơn nữa, năm 2021, bà X làm đơn khởi kiện là đã 12 năm kể từ thời điểm vay tiền thì không còn thời hiệu để Tòa án nhân dân quận N thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2] Xét về thời hiệu khởi kiện:

Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 đều có quy định:

“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.”

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu để được hưởng lợi trước khi Tòa án ra bản án, quyết định sơ thẩm nên Tòa án nhân dân quận N xét xử và ra bản án để giải quyết vụ án là phù hợp. Khi làm đơn kháng cáo và tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu để được hưởng lợi là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn cho rằng, bị đơn có vay số tiền 30.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 13/4/2009, đồng thời cung cấp tờ “Giấy nợ” viết tay, được ông Lâm Huy V ký tên xác nhận. Phía bị đơn cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 13/4/2009 như nguyên đơn trình bày, nên đây là tình tiết nguyên đơn không cần phải chứng minh về việc có cho bị đơn vay tiền. Bị đơn cho rằng, sau thời hạn 01 tháng kể từ khi vay, bị đơn đã thanh toán đủ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn có đề cập, năm 2018, bị đơn khởi kiện vợ chồng bà X đòi nợ một vụ kiện khác. Tòa án đã tuyên vợ chồng bà X phải trả cho bị đơn số tiền 338.000.000 đồng, qua 02 cấp xét xử nhưng bà X không nói gì về việc bị đơn còn nợ số tiền vay 30.000.000 đồng để cân trừ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng, đã trả tiền vay cho nguyên đơn nhưng chưa thể cung cấp chứng cứ để chứng minh nên nay đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền gốc 30 triệu đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị đơn không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về yêu cầu tính tiền lãi:

Nội dung “Giấy nợ” lập ngày 13/4/2009, có ghi rõ về thời hạn trả là sau 01 tuần kể từ khi vay, không ghi lãi suất nhưng các bên trình bày là vay có lãi. Như vậy, giao dịch vay tiền giữa các bên thuộc trường hợp vay có thời hạn, có lãi nhưng không ghi cụ thể về lãi suất. Do giao dịch vay tài sản được xác lập vào ngày 13/4/2009 là trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật và chưa thực hiện xong nên áp dụng khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 để làm căn cứ giải quyết về lãi suất. Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau:

“Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Do bị đơn không chứng minh được đã trả nợ gốc cho nguyên đơn nên ngoài số nợ gốc, bị đơn còn phải trả tiền lãi vay. Khi giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi tính trên nợ gốc kể từ ngày 21/4/2009 (ngày đến hạn trả nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (16/6/2021) theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng là có căn cứ theo quy định pháp luật đã được viện dẫn nêu trên. Thời gian từ ngày 21/4/2009 đến ngày 16/6/2021 là 12 năm 01 tháng 26 ngày (tương đương 145,87 tháng), tiền lãi: 30.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 145,87 tháng = 32.820.000 đồng.

[2.5] Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 30.000.000 đồng + 32.820.000 đồng = 62.820.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm chịu tiền án phí như Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 471, 473 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 149, 155 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Mỹ X đối với bị đơn ông Lâm Huy V về việc phải trả tiền theo “Giấy nợ”, ghi ngày 13/4/2009.

Buộc ông V phải thanh toán cho bà X tổng số tiền nợ gốc và lãi là 62.820.000 đồng (*sáu mươi hai triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lâm Huy V phải nộp 3.141.000 đồng (*Ba triệu, một trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*).

Bà Lâm Mỹ X được nhận lại 3.965.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003761 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố T.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Huy V phải chịu 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001228 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N (ông V đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.T;
- Chi Cục THADS quận N;
- TAND quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Bảo Anh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Liên

Lê Thị Minh Trang

Võ Bảo Anh